

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Mẫn
- Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hàn Thị T, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 096190005165; Địa chỉ: Đường L, khóm 0, phường L, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hoàng C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu tập thể môi trường đô thị Cà Mau, đường N, khóm 0, phường A, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Hàn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Hoàng C đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống không hoà hợp, ông Cường thường xuyên tổ chức ăn nhậu, không lo cho gia đình, không lo cho vợ con, hôn nhân không hạnh phúc, không hàn gắn được, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 07/8/2010 và Trần Hoàng H, sinh ngày 20/6/2013. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Hoàng H; đồng ý giao con chung tên Trần Hoàng N cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Hàn Thị T và ông Trần Hoàng C kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là xã L, tỉnh Cà Mau). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Hàn Thị T xác định do ông Trần Hoàng C thường xuyên tổ chức ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con, có hành vi đánh đập vợ, mâu thuẫn kéo dài, không hàn gắn được, vượt quá sức chịu đựng của bà nên bà xin được ly hôn với ông Cường. Đối với ông C biết được việc bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Cường.

[2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 07/8/2010 và Trần Hoàng H, sinh ngày 20/6/2013. Cháu Trần Hoàng N hiện đang sống cùng với mẹ là bà Hàn Thị T và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn; Cháu Trần Hoàng H hiện đang sống cùng với cha là ông Trần Hoàng C và có nguyện vọng được sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn. Thấy rằng, hiện nay các con chung đã ổn định cuộc sống và cần ghi nhận nguyện vọng con chung là phù hợp; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hàn Thị T được ly hôn với ông Trần Hoàng C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Hoàng N, sinh ngày 07/8/2010 cho bà Hàn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng; Giao con chung tên Trần Hoàng H, sinh ngày 20/6/2013 cho ông Trần Hoàng C tiếp tục nuôi dưỡng; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Hàn Thị T và ông Trần Hoàng C không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Hàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 11/11/2025 bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0004428 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- UBND xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang